

# QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2025



## MỤC LỤC

- 1/ THÔNG ĐIẾP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
- 2/ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2025
- 3/ TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2026
- 4/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2025
- 5/ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2025

## THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM



Quý Khách hàng thân mến,

Năm 2025 đã đi qua trong bối cảnh thị trường bảo hiểm nhân thọ (BHNT) Việt Nam có nhiều thay đổi và không ít thách thức. Với chiến lược tăng trưởng bền vững và sự ủng hộ, tin tưởng của Quý Khách hàng và gia đình, Dai-ichi Life Việt Nam đã đạt được những thành quả đáng khích lệ với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt hơn **18.000 tỷ** đồng, doanh thu phí khai thác mới quy năm trên **2.800 tỷ** đồng, tiếp tục **dẫn đầu** trong các doanh nghiệp BHNT nước ngoài tại Việt Nam, lợi nhuận sau thuế đạt gần **1.700 tỷ** đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước gần **1.300 tỷ** đồng.

Với phương châm “Minh bạch – Đầy đủ – Nhanh chóng”, trong năm 2025, Dai-ichi Life Việt Nam

đã chi trả **5.500 tỷ** đồng quyền lợi bảo hiểm cho hơn **400.000** trường hợp, nâng tổng số tiền chi trả lũy kế lên hơn **29.800 tỷ** đồng cho gần **2,4 triệu** trường hợp kể từ khi thành lập đến nay, đồng thời trích lập hơn **58.000 tỷ** đồng dự phòng nghiệp vụ nhằm đảm bảo vững chắc quyền lợi tương lai của khách hàng.

Song song đó, với chiến lược đầu tư “Hiệu quả – An toàn – Dài hạn” cùng với đội ngũ quản lý đầu tư chuyên nghiệp, các Quỹ đầu tư của Công ty đã đạt kết quả khá tích cực, đặc biệt là các Quỹ thuộc dòng Sản phẩm Liên kết Đầu tư gồm có Quỹ Tài Chính Năng Động ghi nhận mức sinh lời hơn **38%** và Quỹ Dẫn Đầu đạt mức sinh lời hơn **49%** bên cạnh các Quỹ khác như Quỹ Tăng Trưởng đạt mức sinh lời gần **7%**, Quỹ Phát Triển và Quỹ Bảo Toàn

với mức sinh lời hơn **5%**, góp phần gia tăng hơn **2.700 tỷ** đồng vào giá trị tài khoản hợp đồng bảo hiểm của khách hàng, qua đó củng cố lợi ích bền vững cho khách hàng trong hành trình tích lũy và đầu tư lâu dài.

Song hành cùng nỗ lực kinh doanh hiệu quả, thông qua Quỹ “Vì cuộc sống tươi đẹp”, Dai-ichi Life Việt Nam đã triển khai gần **300** chương trình hỗ trợ cộng đồng tại **34** tỉnh thành, đóng góp hơn **14 tỷ** đồng, mang đến những thay đổi tích cực và cuộc sống tốt đẹp hơn cho hơn **21.500** người dân trong bốn lĩnh vực: sức khỏe y tế, giáo dục, môi trường và từ thiện xã hội; nâng tổng số tiền đóng góp lên gần **90 tỷ** đồng trong 19 năm qua, trong đó gần **5,3 tỷ** đồng, chung tay hỗ trợ gần **9.000** người dân và trẻ em khắc phục hậu quả sau mưa bão và lũ lụt, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học tại **17** tỉnh thành bị thiệt hại nặng nề.

Kính thưa Quý khách,

Dai-ichi Life Việt Nam có được vị thế và thành công như ngày hôm nay chính là nhờ sự ủng hộ và tin yêu của hơn **5,2 triệu** khách hàng và gia đình. Chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách đã luôn

tin tưởng và trao gửi trọng trách bảo vệ sức khỏe, an toàn tài chính cho chúng tôi trong 19 năm qua.

Là doanh nghiệp BHNT hàng đầu Nhật Bản – luôn đặt chữ “Tín” và triết lý kinh doanh “Khách hàng là trên hết” làm trọng tâm, chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật và kinh doanh minh bạch, chính trực nhằm mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Với sứ mệnh trở thành người bạn đồng hành “**Gắn bó dài lâu**”, Dai-ichi Life Việt Nam không ngừng nỗ lực để tiếp tục mang đến các giá trị vượt trội, giúp khách hàng bảo vệ tài chính, gia tăng giá trị tài sản một cách hiệu quả, lâu dài và bền vững.

Thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam, kính chúc Quý khách cùng gia đình Sức khỏe, Hạnh phúc, và Thành công.

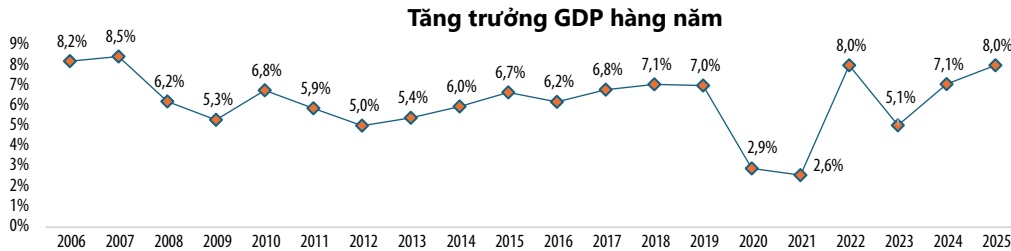
Trân trọng,



**Đặng Hồng Hải**  
Tổng Giám đốc

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2025

## ● Tăng trưởng GDP và tình hình kinh tế vĩ mô năm 2025

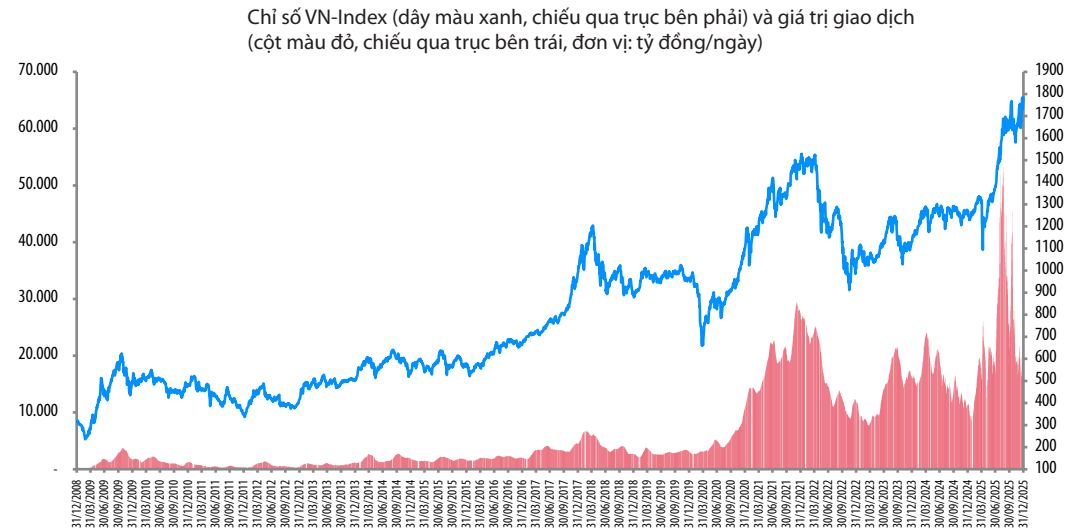


Trong năm 2025 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được kiểm soát tốt. GDP cả năm 2025 ước tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước (đạt mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính Phủ). Tuy nhiên cũng có sự phân hóa trong các lĩnh vực đóng góp vào mức tăng trưởng chung này. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và đầu tư công là điểm sáng nổi bật trong năm nay, với chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) cả năm 2025 tăng 9,2% so với năm 2024, trong khi đó vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, bằng 83,6% kế hoạch năm và tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2% so với năm 2024, tuy chưa về lại mức tăng trên 12% trước sự kiện Covid-19. Lạm phát được kiểm soát hiệu quả, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,31%, thấp hơn so với mục tiêu 4,5% đã đề ra.

Mặc dù năm 2025 được xem là một năm biến động trong hoạt động xuất nhập khẩu do chính sách thuế đối ứng của Mỹ phát sinh từ đầu quý 2 năm 2025, tuy nhiên hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì tăng trưởng tốt. Cả năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20 tỷ USD. Tuy nhiên có sự phân hóa sâu rộng giữa khu vực FDI và trong nước, trong khi khu vực FDI xuất siêu 49 tỷ USD thì khu vực trong nước nhập siêu 29 tỷ USD trong năm 2025.

## ● Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam

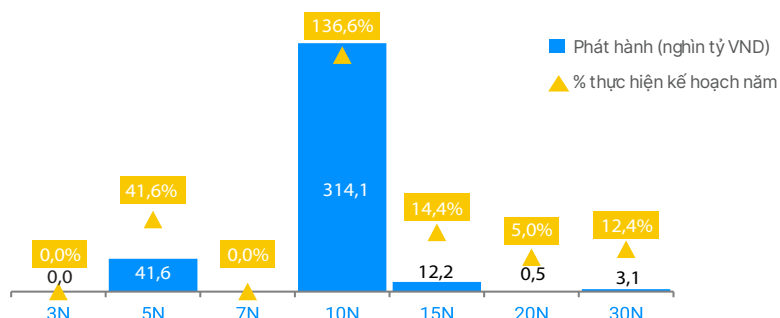


Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 tăng trưởng tích cực, với mức tăng gần 41% so với cuối năm 2024, đặc biệt là trong giai đoạn nửa sau của năm 2025, sau khi rủi ro chính sách thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam đã qua, đồng thời tổ chức FTSE Russell công bố Việt Nam đủ tiêu chuẩn nâng hạng vào đầu tháng 10/2025 (với các dấu mốc quan trọng như kỳ đánh giá sơ bộ vào tháng 3/2026 và dự kiến có hiệu lực chính thức vào tháng 9/2026).

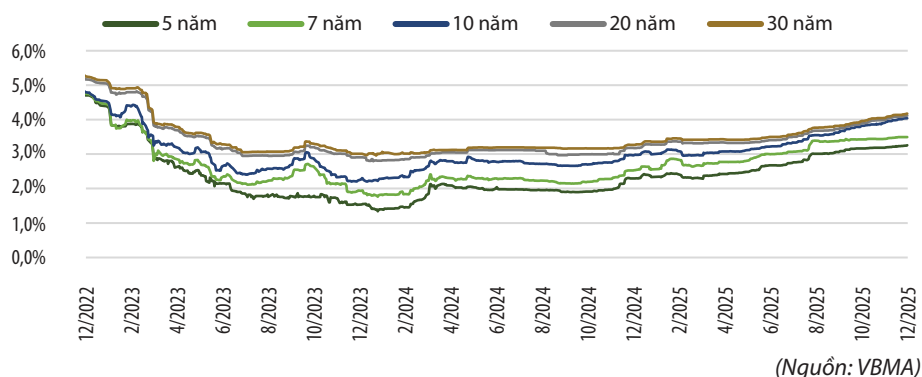
Thanh khoản của thị trường trong năm cũng được hưởng lợi từ chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân Hàng Nhà Nước, qua đó giá trị giao dịch bình quân tăng lên hơn 26.500 tỷ đồng/phiên từ mức 18.600 tỷ đồng/phiên của năm 2024, tăng hơn 42%. Tuy nhiên tình trạng các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục rút ròng ra khỏi thị trường vẫn duy trì, với tổng giá trị rút ròng kỷ lục hơn 125.000 tỷ (so với mức rút ròng 93.000 tỷ đồng của cả năm 2024). Bên cạnh đó thị trường cũng tăng trưởng không đồng đều, chủ yếu do tập trung tăng mạnh vào một số cổ phiếu có vốn hóa lớn, các cổ phiếu vốn hóa nhỏ có mức tăng trưởng kém tích cực hơn.

## ● Thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP)

Giá trị phát hành TPCP theo kỳ hạn năm 2025



Diễn biến lợi suất TPCP - Thị trường thứ cấp



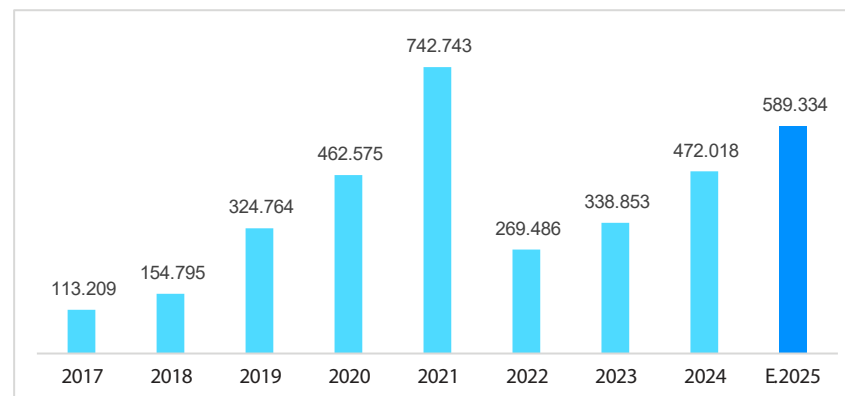
Thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm nhẹ khi nhu cầu vốn cho tăng trưởng tín dụng trong năm 2025 là rất lớn, đặc biệt vào thời điểm cuối năm 2025. Ngân hàng Nhà Nước trong Quý 4 năm 2025 đã liên tục hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống thông qua kênh cho vay trên thị trường mở (OMO) với số dư kỷ lục. Những yếu tố này đã thiết lập mặt bằng lãi suất mới, qua đó lợi suất trái phiếu Chính Phủ có xu hướng tăng lên so với cùng kỳ, đặc biệt là ở các kỳ hạn từ 10 năm và 30 năm. Về khối lượng phát hành, cả năm 2025, tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu là 371.500 tỷ đồng, tương đương 74,3% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng).

## ● Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

Tính cả năm 2025, khối lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đạt 589.334 tỷ đồng tăng gần 33% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó giá trị phát hành riêng lẻ TPDN là 534.980 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 54.354 tỷ đồng. Ngân hàng là nhóm phát hành lớn nhất, chiếm tỷ trọng 68% tổng khối lượng cả thị trường (năm 2024 là 69%), tiếp theo là nhóm ngành bất động sản chiếm 23% tổng khối lượng (năm 2024 là 20%).

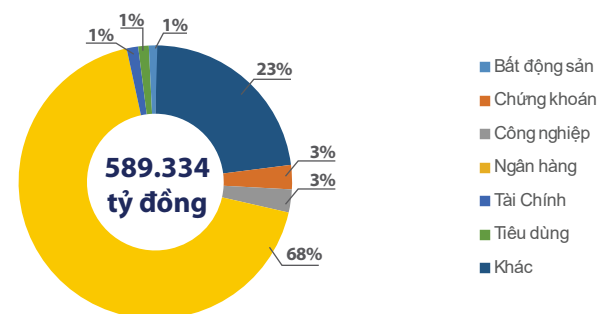
Theo dữ liệu từ Fiinpro, trong năm 2026 ước tính sẽ có khoảng 242.000 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn chiếm 22,5% lượng trái phiếu đang lưu hành, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản trị giá 132.000 tỷ đồng, tương đương 59%. Nhìn chung áp lực đáo hạn của TPDN trong năm 2026 vẫn tiếp tục là thách thức lớn cho thị trường.

Giá trị phát hành TPDN (tỷ đồng)



(Nguồn: VBMA)

Giá trị phát hành theo nhóm ngành



(Nguồn: VBMA)

## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2026

### ● Triển vọng kinh tế năm 2026

Kinh tế Việt Nam năm 2026 bước vào giai đoạn tăng trưởng bứt phá với mục tiêu GDP tham vọng trên 10%. Động lực chính đến từ sự kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng nội địa và dòng vốn đầu tư công đổ vào các dự án hạ tầng chiến lược. Dù biến động lãi suất và các biến số địa chính trị toàn cầu vẫn là những thách thức hiện hữu, nhưng với nền tảng vĩ mô ổn định và chính sách ngoại giao kinh tế linh hoạt, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm sáng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy hoạt động sản xuất và xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng cao như những năm qua.

### ● Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026

Thị trường chứng khoán năm 2026 kỳ vọng sẽ là "năm bản lề" sau sự kiện nâng hạng lên thị trường mới nổi (Emerging Market) bởi FTSE Russell. Đây là lực đẩy quan trọng giúp thu hút dòng vốn ngoại mạnh mẽ, cải thiện tính thanh khoản và nâng cao tiêu chuẩn minh bạch của thị trường. Chỉ số VN-Index dự báo sẽ chinh phục những cột mốc lịch sử mới nhờ sự cộng hưởng từ tăng trưởng lợi nhuận đột phá của các doanh nghiệp niêm yết và mặt bằng định giá vẫn hấp dẫn so với các quốc gia trong khu vực.

### ● Triển vọng thị trường Trái phiếu Chính Phủ (TPCP) năm 2026

Thị trường TPCP tiếp tục giữ vai trò là kênh huy động vốn chủ lực cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng ngày càng lớn. Trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ quốc tế giảm dần, TPCP trở thành lựa chọn an toàn và hiệu quả cho các định chế tài chính nhờ tính thanh khoản cao và rủi ro thấp. Chính sách tiền tệ linh hoạt từ Ngân hàng Nhà nước giúp duy trì lợi suất trái phiếu ở mức hợp lý, vừa hỗ trợ khả năng vay nợ của Chính phủ, vừa tạo điều kiện ổn định cho thị trường tài chính nói chung.

### ● Triển vọng thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) năm 2026

Thị trường TPDN chuyển mình mạnh mẽ từ giai đoạn phục hồi sang phát triển bền vững và minh bạch hơn. Việc thực thi nghiêm ngặt các quy định về xếp hạng tín nhiệm và sự vận hành ổn định của sàn giao dịch thứ cấp đã giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư cá nhân lẫn tổ chức. Mặc dù áp lực đáo hạn ở nhóm bất động sản vẫn cần được giám sát, nhưng các doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh sẽ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn dài hạn với chi phí tối ưu, tạo tiền đề cho sự phân hóa và thanh lọc tích cực trên thị trường.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức do biến động địa chính trị, căng thẳng thương mại và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và triển vọng tăng trưởng toàn cầu. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới vẫn duy trì đà phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng cải thiện và các chính sách hỗ trợ tăng trưởng tại nhiều quốc gia.

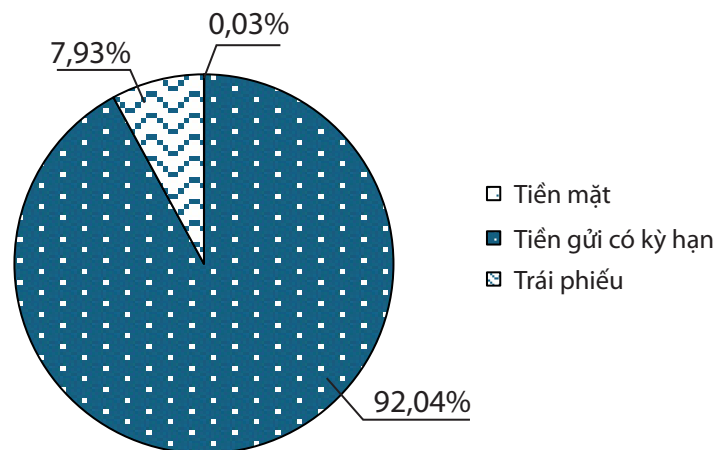
Trên thị trường chứng khoán, chỉ số VN-Index ghi nhận mức tăng trưởng mạnh trong năm 2025, có thời điểm đạt mức gần 1.800 điểm và tăng khoảng 41% so với đầu năm, phản ánh sự cải thiện về lợi nhuận doanh nghiệp và dòng vốn đầu tư gia tăng trên thị trường.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng ghi nhận sự phục hồi về hoạt động phát hành sau giai đoạn điều chỉnh trước đó, trong khi kênh đầu tư cổ phiếu tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Nhờ diễn biến tích cực của thị trường tài chính và sự cải thiện của môi trường kinh doanh, giá trị tài sản của các Quỹ liên kết đơn vị trong năm 2025 tiếp tục xu hướng tăng trưởng, phù hợp với diễn biến chung của thị trường vốn trong nước.

## A/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHÍ ĐƠN KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ (tháng 10/2016) đến cuối năm 2025, hoạt động đầu tư của các Quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Cụ thể, tính từ khi thành lập đến ngày 31/12/2025, Quỹ Thịnh Vượng đạt tỷ suất sinh lời 122,39% (tương đương 9,09%/năm). Theo xu hướng tăng của thị trường trong năm 2025, Quỹ Thịnh Vượng tăng với tỷ suất +6,78%. Bên cạnh đó, Quỹ Đảm Bảo vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định 56,55% (tương đương 5,00%/năm).

### QUỸ ĐẢM BẢO

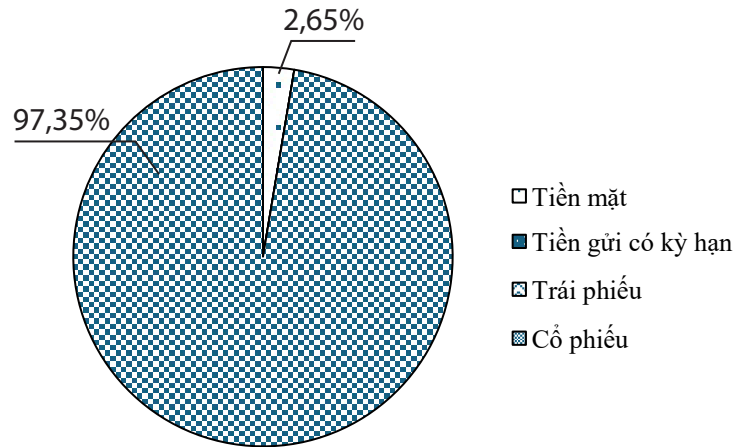


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5,00%/năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 5,00% (từ 15.262,23 VND lên 16.025,34 VND).

## QUỸ THỊNH VƯỢNG



(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 6,78% (từ 20.827,03 VND lên 22.239,22 VND).

Bảng thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ qua từng năm

Năm	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VN-Index
2016 (*)	0,89%	-4,70%	-1,30%
2017	5,00%	52,64%	48,03%
2018	5,00%	-11,78%	-9,32%
2019	5,00%	7,53%	7,67%
2020	5,00%	19,60%	14,87%
2021	5,00%	31,02%	35,73%
2022	5,00%	-24,62%	-32,78%
2023	5,00%	11,77%	12,20%
2024	5,00%	14,33%	12,11%
2025	5,00%	6,78%	40,87%
Tỷ suất sinh lời quy năm	5,00%	9,09%	11,19%
Từ 26/10/2016 đến 31/12/2025	56,55%	122,39%	164,91%

\* Từ 26/10/2016 đến 31/12/2016

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp.

Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ



## B/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHÍ ĐỊNH KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị (tháng 6/2015) đến cuối năm 2025, hoạt động đầu tư của các Quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2025, Quỹ Tăng Trưởng đạt tỷ suất sinh lời 173,41% (tương đương 9,97%/năm), Quỹ Phát Triển đạt tỷ suất lợi nhuận 128,06% (tương đương 8,10%/năm), và Quỹ Bảo Toàn đạt tỷ suất lợi nhuận ổn định 78,95% (tương đương 5,65%/năm). Do xu hướng tăng của thị trường trong năm 2025, Quỹ Tăng Trưởng tăng với tỷ suất + 6,78% và Quỹ Phát Triển tăng +5,13%, trong khi Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ được tăng trưởng ổn định ở mức 5,08% trong năm 2025.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, hai Quỹ liên kết đơn vị mới là (Quỹ Dẫn Đầu và Quỹ Tài Chính Năng Động) được thành lập vào tháng 04/2022. Với xu hướng tăng của thị trường năm 2025, cả hai Quỹ đều đạt tỷ suất lợi nhuận dương lần lượt là Quỹ Dẫn Đầu tăng tỷ suất + 49,32% và Quỹ Tài Chính Năng Động tăng tỷ suất +38,25%.

Ngoài ra, hướng đến mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn từ trung đến dài hạn, từ tháng 07/2025, công ty thành lập thêm Quỹ Cân Bằng. Trong năm đầu thành lập, Quỹ cũng ghi nhận mức tăng tỷ suất + 2,12%.

### Bảng thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ qua từng năm:

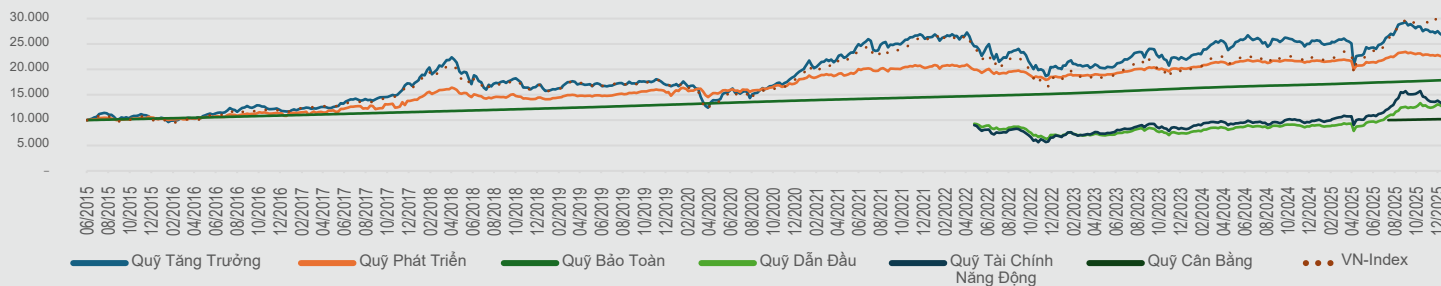
Năm	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Quỹ Cân Bằng	VN-Index	
2015 (*)	4,59%	2,61%	3,24%	Thành lập từ tháng 4/ 2022			1,96%	
2016	12,01%	9,93%	6,06%				14,82%	
2017	52,64%	26,56%	6,08%				48,03%	
2018	-11,78%	-1,05%	5,90%				-9,32%	
2019	7,53%	11,95%	6,29%				7,67%	
2020	19,60%	15,19%	6,16%				14,87%	
2021	31,02%	13,88%	4,70%				35,73%	
2022	-24,62%	-11,32%	4,74%	-27,17% (**)	-26,13% (**)	Thành lập từ tháng 7/2025	-32,78%	
2023	11,77%	10,20%	6,91%	11,94%	27,22%		12,20%	
2024	14,33%	7,00%	4,65%	19,18%	18,88%		12,11%	
2025	6,78%	5,13%	5,08%	49,32%	38,25%		2,12% (****)	40,87%
Tỷ suất sinh lời quy năm	9,97%	8,10%	5,65%	10,63%	12,53%		4,66%	11,42%
Từ khi thành lập đến 31/12/2025	173,41%	128,06%	78,95%	45,08% (***)	54,46% (***)	2,12% (****)	214,23%	

(\*) Từ 03/06/2015 đến 31/12/2015; (\*\*) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022; (\*\*\*) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2025; (\*\*\*\*) Từ 16/07/2025 đến 31/12/2025

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp.

### Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ

Đơn vị tính: VND

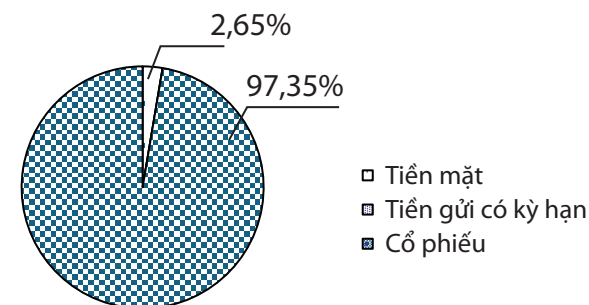


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ

### QUỸ TĂNG TRƯỞNG

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có tiềm năng tăng trưởng cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 6,78% (từ 25.604,93 VND lên 27.341,04 VND).

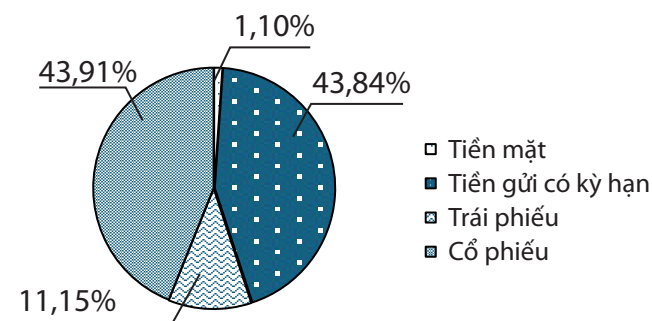


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

### QUỸ PHÁT TRIỂN

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn từ trung đến dài hạn, nên Quỹ có danh mục đầu tư đa dạng, Quỹ được phân bổ với tỷ trọng đáng kể vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam mang lại thu nhập ổn định đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn.

Do tính đa dạng trong danh mục đầu tư nên tính biến động và rủi ro của Quỹ này thấp hơn so với Quỹ Tăng Trưởng. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Quỹ Phát Triển tăng 5,13% (từ 21.692,89 VND lên 22.805,76 VND).

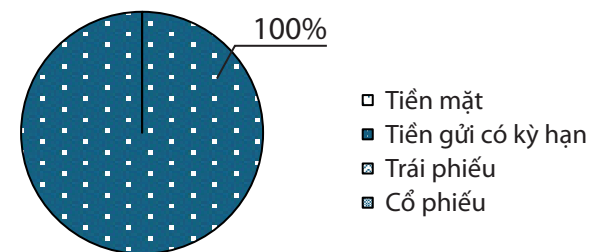


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

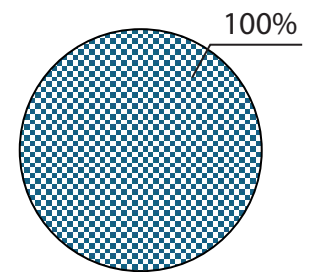
### QUỸ BẢO TOÀN

Quỹ này có mục tiêu bảo toàn vốn và tạo thu nhập ổn định. Quỹ chủ yếu đầu tư vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này tập trung vào những khoản thu nhập ổn định nên tính biến động và rủi ro thấp hơn so với các Quỹ còn lại. Trong năm 2025, Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ nguyên mức tăng trưởng ổn định. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 5,08% (từ 17.030,63 VND lên 17.895,37 VND).



(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)



▣ Tiền mặt ▣ Cổ phiếu

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

## QUỸ DẪN ĐẦU

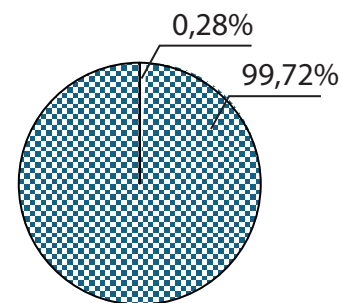
Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ đạt được mức lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 49,32% (từ 9.030,16 VND lên 13.483,92 VND).

## QUỸ TÀI CHÍNH NĂNG ĐỘNG

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ đạt được mức lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng, tuy nhiên mức độ biến động và rủi ro của Quỹ cũng cao tương ứng. Trong năm 2025, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 38,25% (từ 10.069,85 VND lên 13.921,55 VND).



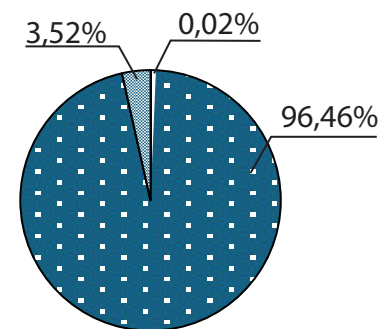
▣ Tiền mặt ▣ Cổ phiếu

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

## QUỸ CÂN BẰNG

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn từ trung đến dài hạn. Danh mục đầu tư của Quỹ được phân bổ giữa các tài sản có thu nhập ổn định và các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn.

Quỹ được chính thức thành lập từ tháng 7/2025. Trong năm đầu hoạt động, giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ tăng 2,12%, từ 10.000 VND lên 10.211,86 VND.



▣ Tiền mặt ▣ Trái phiếu  
▣ Tiền gửi có kỳ hạn ▣ Cổ phiếu

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

## DANH SÁCH 5 CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

Quỹ	Cổ Phiếu	Công Ty	Nhóm Ngành	Tỷ Trọng (% NAV)
Quỹ Tăng Trưởng & Quỹ Thịnh Vượng	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	6,65%
	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	4,91%
	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tài Chính - Ngân Hàng	4,91%
	HPG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát	Nguyên Vật Liệu - Thép xây dựng	4,89%
	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	4,70%
Quỹ Dẫn Đầu	VIC	Tập đoàn VinGroup	Bất Động Sản - Tập Đoàn	15,15%
	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	10,11%
	HPG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát	Nguyên Vật Liệu - Thép xây dựng	8,20%
	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Tiêu Dùng - Công Nghệ	7,21%
	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	Bất Động Sản - Nhà Ở	5,16%
Quỹ Tài Chính Năng Động	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Tài Chính - Ngân Hàng	14,75%
	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	14,18%
	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tài Chính - Ngân Hàng	10,08%
	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài Chính - Ngân Hàng	9,65%
	HDB	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh	Tài Chính - Ngân Hàng	8,08%

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2025)

## MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Quỹ Tăng Trưởng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80% - 100%), trái phiếu Chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (0% - 20%).
Quỹ Phát Triển	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15% - 55%), trái phiếu Chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (45% - 85%).
Quỹ Bảo Toàn	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	Trái phiếu Chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (100%).
Quỹ Đảm Bảo	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	Trái phiếu Chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Thịnh Vượng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Dẫn Đầu	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào 30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và (0% - 20%) vào TPCP, và tiền gửi các tổ chức tín dụng.
Quỹ Tài Chính Năng Động	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng; và (0% - 20%) vào trái phiếu Chính phủ, và tiền gửi các tổ chức tín dụng.
Quỹ Cân Bằng	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Từ Trung bình đến Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết và các cổ phiếu đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (0% - 50%). Trái phiếu Chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác (50% - 100%).

## CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

### Phí quản lý quỹ

Quỹ	Tỷ lệ	Số tiền (VND)
Quỹ Tăng Trưởng	2,00%	62.732.999.893
Quỹ Phát Triển	2,00%	19.123.869.697
Quỹ Bảo Toàn	0,50%	1.650.385.909
Quỹ Đảm Bảo	(*)	(28.846.720)
Quỹ Thịnh Vượng	2,00%	834.553.405
Quỹ Dẫn Đầu	2,00%	5.270.721.125
Quỹ Tài Chính Năng Động	2,00%	3.858.463.853
Quỹ Cân Bằng	1,00%	571.915.035

(\*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

### Phí đầu tư trực tiếp

Quỹ	Số tiền (VND)
Quỹ Tăng Trưởng	1.125.958.690
Quỹ Phát Triển	151.777.868
Quỹ Bảo Toàn	-
Quỹ Đảm Bảo	-
Quỹ Thịnh Vượng	13.920.298
Quỹ Dẫn Đầu	68.384.007
Quỹ Tài Chính Năng Động	52.984.709
Quỹ Cân Bằng	1.299.456



### Cổ tức và ảnh hưởng cổ tức đến tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các Quỹ đều là Quỹ không chia cổ tức nên các Quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.

### Chi tiết về các khoản lãi chia đã thực hiện.

Công ty không áp dụng hình thức chia lãi đối với sản phẩm này.

### Đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị, liệt kê một số trường hợp điển hình làm thay đổi đánh giá triển vọng này.

Công ty nhận định rằng các khoản đầu tư này vẫn tiếp tục có triển vọng tốt về mặt dài hạn trong tương lai và chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị sẽ không có sự thay đổi.

### Các chỉ số liên quan trong những lĩnh vực đầu tư mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư.

Công ty hiện đang theo dõi các chỉ số VN-Index & VN100 Index (Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Thịnh Vượng), VN30 (Quỹ Dẫn Đầu), và FINLEAD (Quỹ Tài Chính Năng Động). Đối với các Quỹ còn lại, hiện tại chưa có chỉ số phù hợp.

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2025

Các số liệu và thông tin trình bày dưới đây được trích ra từ Báo cáo Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Chúng tôi xin đảm bảo những nội dung trên là đúng sự thực.

Các số liệu này đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán và trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 30 tháng 3 năm 2026.

### I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm (a)	2.813.108.767.053
- Phí cơ bản	2.268.238.223.624
- Phí đóng thêm	544.870.543.429
B. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ Chủ sở hữu vào các Quỹ Liên kết đơn vị (b)	57.368.226.988
C. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c)	608.941.569.301
- Năm thứ nhất	133.878.644.850
- Năm thứ hai	91.028.217.382
- Năm thứ ba	169.186.477.028
- Năm thứ tư	192.617.121.541
- Năm thứ năm	17.583.000.200
- Từ năm thứ sáu trở đi	4.648.108.300
D. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) – (c)]	2.204.167.197.752



Quỹ	Số dư đầu kỳ				Tăng/(giảm) trong kỳ		Số dư cuối kỳ			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán
Quỹ Tăng Trưởng	2.707.285.357.181	105.732.986,33	25.604,93	25.604,93	864.821.927.303	24.917.049,42	3.572.107.284.484	130.650.035,75	27.341,04	27.341,04
Quỹ Phát Triển	846.686.173.065	39.030.575,70	21.692,89	21.692,89	226.062.932.677	8.007.936,21	1.072.749.105.742	47.038.511,91	22.805,76	22.805,76
Quỹ Bảo Toàn	276.935.406.656	16.261.017,12	17.030,63	17.030,63	121.976.553.100	6.030.327,75	398.911.959.756	22.291.344,87	17.895,37	17.895,37
Quỹ Đảm Bảo	75.767.178.849	4.964.358,34	15.262,23	15.262,23	3.703.576.774	(5.290,04)	79.470.755.623	4.959.068,30	16.025,34	16.025,34
Quỹ Thịnh Vượng	40.438.727.772	1.941.646,31	20.827,03	20.827,03	3.537.984.743	35.793,30	43.976.712.515	1.977.439,61	22.239,22	22.239,22
Quỹ Dẫn Đầu	189.295.926.377	20.962.632,50	9.030,16	9.030,16	186.596.395.537	6.914.451,87	375.892.321.914	27.877.084,37	13.483,92	13.483,92
Quỹ Tài Chính Năng Động	131.538.274.111	13.062.579,14	10.069,85	10.069,85	127.904.748.725	5.573.495,80	259.443.022.836	18.636.074,95	13.921,55	13.921,55
Quỹ Cân Bằng	-	-	-	-	135.466.525.924	13.265.606,16	135.466.525.924	13.265.606,16	10.211,86	10.211,86
	<b>4.267.947.044.011</b>	<b>201.955.795,44</b>			<b>1.670.070.644.783</b>	<b>64.739.370,48</b>	<b>5.938.017.688.794</b>	<b>266.695.165,92</b>		

## II. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Quỹ Cân Bằng	Tổng cộng
Tiền mặt	101.381.330.637	13.749.311.555	51.358.742	74.237.585	1.248.136.066	260.618.056	1.215.218.199	155.805.704	118.136.016.544
Danh mục đầu tư	3.477.488.484.800	1.061.030.922.968	399.048.710.388	79.446.444.657	42.812.407.068	376.326.742.850	258.709.517.700	135.439.326.101	5.830.302.556.532
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	470.266.785.459	399.048.710.388	73.146.577.534	-	-	-	130.671.893.742	1.073.133.967.123
- Trái phiếu Chính phủ	-	39.434.287.123	-	6.299.867.123	-	-	-	-	45.734.154.246
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	80.175.956.164	-	-	-	-	-	-	80.175.956.164
- Cổ phiếu niêm yết	3.477.488.484.800	471.153.894.222	-	-	42.812.407.068	376.326.742.850	258.709.517.700	4.767.432.359	4.631.258.478.999
Tài sản khác	(6.762.530.953)	(2.031.128.781)	(188.109.374)	(49.926.619)	(83.830.619)	(695.038.992)	(481.713.063)	(128.605.881)	(10.420.884.282)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.572.107.284.484</b>	<b>1.072.749.105.742</b>	<b>398.911.959.756</b>	<b>79.470.755.623</b>	<b>43.976.712.515</b>	<b>375.892.321.914</b>	<b>259.443.022.836</b>	<b>135.466.525.924</b>	<b>5.938.017.688.794</b>



### III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Quỹ Cân Bằng	Tổng cộng
<b>Thu nhập/ Doanh thu</b>									
Phí bảo hiểm đầu tư vào vào Quỹ Liên kết đơn vị	1.235.801.001.659	429.211.922.986	220.379.167.904	(4.546.950)	(1.515.650)	162.678.303.837	142.629.550.545	13.473.313.422	2.204.167.197.752
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ Chủ sở hữu vào Quỹ Liên kết đơn vị	(4.705.986.852)	(42.407.277.452)	(5.967.854.238)	(79.038.810)	765.501.158	(10.896.233.062)	529.688.547	120.129.427.696	57.368.226.988
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	286.632.509.639	69.381.144.018	18.041.967.743	3.758.569.914	3.622.472.938	116.237.725.874	61.366.306.565	3.196.433.497	562.237.130.188
- Tiền gửi có kỳ hạn	370.557.127	26.508.415.579	18.041.967.743	3.834.923.026	5.440.836	-	-	3.188.710.143	51.950.014.455
- Trái phiếu chính phủ	-	(11.183.697)	-	(76.353.112)	-	-	-	-	(87.536.809)
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	175.956.164	-	-	-	-	-	-	175.956.164
- Cổ phiếu niêm yết	286.261.952.512	42.707.955.972	-	-	3.617.032.102	116.237.725.874	61.366.306.565	7.723.354	510.198.696.378
Thu nhập khác	31.818.420.800	8.546.943.600	2.882.330.100	-	-	5.517.592.800	3.606.677.300	-	52.371.964.600
<b>Tổng thu nhập/ doanh thu (1)</b>	<b>1.549.545.945.246</b>	<b>464.732.733.152</b>	<b>235.335.611.509</b>	<b>3.674.984.154</b>	<b>4.386.458.446</b>	<b>273.537.389.449</b>	<b>208.132.222.957</b>	<b>136.799.174.615</b>	<b>2.876.144.519.528</b>
<b>Chi phí</b>									
Phí bảo hiểm rủi ro	352.372.068.557	140.271.578.741	82.752.417.005	254.100	-	58.439.345.479	51.387.720.763	697.233.754	685.920.618.399
Phí quản lý hợp đồng	30.058.750.243	11.986.048.559	7.172.924.095	-	-	5.039.438.721	4.453.787.937	62.200.446	58.773.150.001
Phí chuyển đổi quỹ	100.000	-	100.000	-	-	150.000	200.000	-	550.000
Phí hủy bỏ hợp đồng	238.434.140.560	67.136.525.610	21.783.231.400	-	-	18.122.954.580	20.474.316.970	-	365.951.169.120
Chi phí hoạt động đầu tư	1.125.958.690	151.777.868	-	-	13.920.298	68.384.007	52.984.709	1.299.456	1.414.325.028
<b>Tổng chi phí (2)</b>	<b>621.991.018.050</b>	<b>219.545.930.778</b>	<b>111.708.672.500</b>	<b>254.100</b>	<b>13.920.298</b>	<b>81.670.272.787</b>	<b>76.369.010.379</b>	<b>760.733.656</b>	<b>1.112.059.812.548</b>
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)]	927.554.927.196	245.186.802.374	123.626.939.009	3.674.730.054	4.372.538.148	191.867.116.662	131.763.212.578	136.038.440.959	1.764.084.706.980
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	927.554.927.196	245.186.802.374	123.626.939.009	3.674.730.054	4.372.538.148	191.867.116.662	131.763.212.578	136.038.440.959	1.764.084.706.980
- Cho Chủ hợp đồng	864.821.927.303	226.062.932.677	121.976.553.100	3.703.576.774	3.537.984.743	186.596.395.537	127.904.748.725	135.466.525.924	1.670.070.644.783
- Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	62.732.999.893	19.123.869.697	1.650.385.909	(28.846.720)	834.553.405	5.270.721.125	3.858.463.853	571.915.035	94.014.062.197
- Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



Nguyễn Quốc Anh

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**



Ishikawa Yuki

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Huỳnh Vũ Đại Trọng

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Hồng Hải

## GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tòa nhà trụ sở chính Tập đoàn Daiichi Life tại Tokyo, Nhật Bản.

### ■ TẬP ĐOÀN DAIICHI LIFE

Là tiền thân của Tập đoàn Dai-ichi Life, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tương hỗ Dai-ichi được thành lập vào năm 1902 và là công ty bảo hiểm nhân thọ tương hỗ đầu tiên của Nhật Bản. Công ty sau đó chuyển đổi từ tương hỗ sang mô hình cổ phần hóa, niêm yết trên thị trường chứng khoán Tokyo vào năm 2010 và chuyển thành cơ cấu công ty cổ phần vào năm 2016 (Dai-ichi Life Holdings Inc.).

Vào ngày 1/4/2026, Dai-ichi Life Holdings Inc. chính thức công bố thay đổi tên gọi mới - Daiichi Life Group Inc., và bộ nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu bước chuyển mình chiến lược, hướng đến mục tiêu trở thành "Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu trên toàn cầu" vào năm 2030.

Tập đoàn Daiichi Life sở hữu tổng giá trị tài sản **465 tỷ** đô-la Mỹ, doanh thu phí bảo hiểm đạt **45 tỷ** đô-la Mỹ (tính đến ngày 31/3/2025), đạt vị trí **Top 2** về tổng doanh thu phí bảo hiểm tại Nhật Bản. Ngoài Việt Nam, Tập đoàn Daiichi Life đã mở rộng hoạt động kinh doanh BHNT sang Ấn Độ, Úc, Indonesia, Campuchia, Myanmar, New Zealand và Mỹ. Tập đoàn Daiichi Life đã mở Trụ sở Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tại Singapore và Trụ sở Khu vực Bắc Mỹ tại New York.

### ■ CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Là thành viên của Tập đoàn Daiichi Life, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam) được thành lập vào tháng 1/2007 và là thị trường nước ngoài đầu tiên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn.

Trải qua hơn 19 năm hình thành và phát triển, Dai-ichi Life Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ dẫn đầu thị trường Việt Nam. Công ty vinh dự phục vụ hơn **5,2 triệu** khách hàng, thông qua mạng lưới gần **250** văn phòng và tổng đại lý trên toàn quốc (tính đến ngày 31/12/2025).

Với cam kết "**Gắn bó dài lâu**" cùng đất nước và người dân Việt Nam, Dai-ichi Life Việt Nam không ngừng nỗ lực để trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy, hướng đến xây dựng cuộc sống bình an và tương lai an tâm tươi sáng cho mỗi người, mỗi nhà, đồng thời tiếp tục mang đến những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng xã hội và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam.



#### TẬN HƯỞNG TIỆN ÍCH

### Dai-ichi Connect

- Dễ dàng thao tác
- Giao dịch **mọi lúc mọi nơi**
- Tận hưởng điểm thưởng **nhANH chóng**

#### TẢI ỨNG DỤNG DAI-ICHI CONNECT TẠI ĐÂY:



Ngoài ra, khách hàng có thể truy cập Cổng thông tin Khách hàng tại <http://kh.dai-ichi-life.com.vn> để truy vấn hợp đồng và thực hiện giao dịch.

### CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3810 0888 | [www.dai-ichi-life.com.vn](http://www.dai-ichi-life.com.vn)